

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN THÀNH
TỈNH NGHỆ AN**

Bản án số: 46/2024/DSST

Ngày 16 tháng 8 năm 2024
(V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH - NGHỆ AN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Anh Ngọc

Các hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Hưng và Ông Nguyễn Đình Thanh.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Thị Tình - Thư ký Tòa án Nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Kim Tình- Kiểm sát Viên.

Trong ngày 16/8/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 45/2024/TLST-DS ngày 04/3/2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng và yêu cầu thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số:59/2024/QĐXXST ngày 04 /7/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 30/2024/QĐ-HPT ngày 27/7/2024, giữa các đương sự:

+/Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Q1 (viết tắt: V2)

Địa chỉ: Tầng A, 2, Tòa nhà S P, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V - Chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Đình H - Chức vụ: Giám đốc thu hồi nợ trực tiếp và xử lý nợ vùng- Vùng T – khối ngân hàng bán lẻ VIB.

Người được ủy quyền lại: Bà Trần Thị P - Cán bộ Ngân hàng TMCP Q1 (Có mặt tại phiên tòa).

+/Bị đơn: - Bà Hồ Thị N, sinh năm 1957 (vắng mặt lần thứ 2 không có lý do).

- Ông Hoàng Đình V1 (đã chết).

Địa chỉ: xóm Q, xã L, huyện Y, tỉnh Nghệ An

+/Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Hoàng Đình V1:

1. Bà Hồ Thị N, sinh năm 1957 (vợ ông V1)

2. Anh Hoàng Đình N1, sinh năm 1982 (con đẻ của ông V1)

3. Anh Hoàng Đình D, sinh năm 1990 (con đẻ của ông V1)

4. Anh Hoàng Đình S, sinh năm 1991 (con đẻ của ông V1)

Đều cư trú tại: xóm Q, xã L, huyện Y, tỉnh Nghệ An; (Bà N, anh N1, anh D, anh S đều vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa không có lý do).

+/Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Hoàng Đình N1, sinh năm 1982
2. Chị Nguyễn Thị A, sinh năm 1991 (vợ anh N1)
3. Chị Trần Thúy Q, sinh năm 1991 (Vợ anh S)

Đều cư trú tại: xóm Q, xã L, huyện Y, tỉnh Nghệ An;

(Anh N1, chị A, chị Q đều vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai và ý kiến trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tại phiên tòa thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 09/2022 đến tháng 10/2022, giữa Ngân hàng TMCP Q1 (sau đây viết tắt là V2) với vợ chồng ông Hoàng Đình V1, bà Hồ Thị N đã lần lượt ký các hợp đồng tín dụng, cụ thể như sau:

+ Hợp đồng tín dụng số:4655089.22 ngày 28/9/2022:

Ngày 28/9/2022, ngân hàng TMCP Q1 - Chi nhánh V3 - Phòng G đã ký Hợp đồng tín dụng số: 4655089.22 ngày 28/9/2022 với ông Hoàng Đình V1 và bà Hồ Thị N cụ thể như sau: Ngân hàng TMCP Q1 cho ông Hoàng Đình V1 và bà Hồ Thị N vay số tiền: 375.000.000 đồng; Thời hạn vay: 60 tháng tính từ ngày tiếp theo ngày khoản tín dụng được giải ngân hoặc tính từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đầu tiên nếu khoản tín dụng được giải ngân nhiều lần.

Thời hạn giải ngân: Các khoản tiền vay sẽ được VIB giải ngân trong vòng tối đa 06 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.

Phương thức cho vay: Cho vay từng lần.

Mục đích cấp tín dụng: Bên được cấp tín dụng được VIB cấp tín dụng để đáp ứng nhu cầu sửa chữa nhà không làm thay đổi kết cấu và mua sắm vật dụng gia đình tại xóm Q, xã L, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

Sau khi ký hợp đồng tín dụng trên thì ngày 29/9/2022, ông Hoàng Đình V1 và bà Hồ Thị N đã được Ngân hàng TMCP Q1 giải ngân theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số: 4655089 (1).22 ngày 29/9/2022 với số tiền: 375.000.000 đ (Ba trăm bảy mươi lăm triệu đồng); Mục đích vay: sửa chữa nhà không làm thay đổi kết cấu và mua sắm trang thiết bị tại xóm F, xã L, huyện Y, tỉnh Nghệ An; Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày 30/9/2022 đến ngày 29/9/2027; Phương thức giải ngân: Tiền mặt/vào tài khoản của bên được cấp tín dụng mở tại V2 tên chủ tài khoản: Hoàng Đình V1, số tài khoản: 026604698; Lãi suất tại thời điểm giải ngân: 13,70 %/năm, lãi suất này sẽ được V2 chủ động điều chỉnh 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm cộng biên độ 4,9%/năm; Hoàn trả khoản tín dụng gốc: Hàng tháng vào ngày 30, mỗi tháng 6.250.000 đồng, số tiền gốc còn lại trả vào cuối kỳ, ngày trả gốc đầu tiên là ngày 30/10/2022; Ngày trả lãi: vào ngày 30 hàng tháng theo dư nợ thực tế, ngày trả nợ đầu tiên vào ngày 30/10/2022; Ngày trả phí: Theo quy định của V2 từng thời kỳ.

+ Hợp đồng tín dụng số: 5981844.22 ngày 28/9/2022:

Ngày 28/9/2022, Ngân hàng TMCP Q1 - Chi nhánh V3 - Phòng G tiếp tục ký Hợp đồng tín dụng số: 5981844.22 ngày 28/9/2022 với ông Hoàng Đình V1 và

bà Hồ Thị N, hợp đồng có nội dung như sau: Ngân hàng TMCP Q1 cho ông Hoàng Đình V1 và bà Hồ Thị N vay số tiền: 500.000.000 đồng; Thời hạn vay: 24 tháng kể từ ngày ký hợp đồng;

Thời hạn giải ngân: Các khoản tiền vay sẽ được V2 giải ngân trong vòng tối đa 24 tháng từ ngày ký hợp đồng.

Phương thức cho vay: Cho vay theo hạn mức.

Mục đích cấp tín dụng: Bên được cấp tín dụng được VIB cấp tín dụng để đáp ứng nhu cầu kinh doanh hàng tạp hóa.

Sau khi ký hợp đồng tín dụng trên thì ngày 05/10/2022, ông Hoàng Đình V1 và bà Hồ Thị N đã được V2 giải ngân theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số: 5981844(1)22 ngày 05/10/2022 với số tiền vay: 500.000.000 đ (Năm trăm triệu đồng);

Mục đích vay: Kinh doanh hàng tạp hóa;

Thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày 06/10/2022 đến ngày 05/10/2023;

Phương thức giải ngân: tiền mặt/vào tài khoản của bên được cấp tín dụng mở tại V2 tên chủ tài khoản: Hoàng Đình V1, số tài khoản: 026604698.

Lãi suất tại thời điểm giải ngân: 11,40%/năm. Lãi suất này sẽ được V2 chủ động điều chỉnh 03 tháng/lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm cộng biên độ 4,2%/năm; Hoàn trả khoản tín dụng gốc: Sau thời gian ân hạn: cuối kỳ.

Ngày trả lãi: Vào ngày 30 hàng tháng theo dư nợ thực tế. Ngày trả nợ đầu tiên là ngày 30/10/2022.

+ Ngày 04/10/2022, căn cứ Đơn đề nghị phát hành thẻ của vợ chồng ông Hoàng Đình V1 thì V2 tiếp tục giải ngân cho vợ chồng ông Hoàng Đình V1 vay số tiền 37.000.000 đồng

-Tài sản thế chấp đảm bảo cho các khoản vay trên, gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 403 (tách từ thửa 347), tờ bản đồ số 19, diện tích: 646,4 m², trong đó: 320 m² đất ở và 326,4 m² đất trồng cây lâu năm; Địa chỉ thửa đất tại: Xóm Đ, xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An đã được Sở TNMT tỉnh N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: DB708377, số vào sổ cấp GCN: CS 10907 ngày 22/4/2021 mang tên ông Nguyễn Văn S1. Thửa đất đã chuyển nhượng cho ông Hoàng Đình N1 và bà Nguyễn Thị A theo hồ sơ số 006681.CN.002. Thửa đất này đã được ông Hoàng Đình N1 và bà Nguyễn Thị A thế chấp cho V2 tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 4996667.22 ngày 28/9/2022 để đảm bảo toàn bộ các nghĩa vụ trả nợ của ông Hoàng Đình V1 và bà Hồ Thị N tại VIB theo Hợp đồng tín dụng số: 4655089.22 ngày 28/9/2022 và Hợp đồng tín dụng số: 5981844.22 ngày 28/9/2022 bao gồm cả các phụ lục, bản bổ sung, sửa đổi và các hợp đồng/thỏa thuận cấp tín dụng khác ký giữa bên cam kết và bên C với V2 trong khoảng thời gian từ ngày 28/9/2022 đến ngày 28/9/2027 (Nội dung bản cam kết của bên thế chấp là ông Hoàng Đình N1, bà Nguyễn Thị A ngày 28/9/2022). Hợp đồng thế chấp đã được công chứng tại trụ sở Văn phòng C1 có địa chỉ tại: số E, đường L, phường L, thành phố V, tỉnh Nghệ An 28//9/2022 và được đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại Chi nhánh Văn phòng Đ1, tỉnh Nghệ An ngày 29/9/2022.

Trong quá trình thực hiện các hợp đồng tín dụng và theo đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng, đối chiếu bản kê chi tiết lịch sử trả nợ và tính chiết lãi thì tạm tính đến ngày 16/8/2024 ông Hoàng Đình V1 (Đã chết) và bà Hồ Thị N đã trả được cho V2 tổng số tiền là: 286.461.774 đồng, bao gồm:

+ Số tiền đã trả theo Hợp đồng tín dụng số:4655089.22 ngày 28/9/2022 là:108.712.241 đồng, trong đó:Tiền nợ gốc: 62.500.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 45.065.136 đồng, nợ lãi quá hạn: 1.147.105 đồng.

+ Số tiền đã trả theo Hợp đồng tín dụng số: 5981844.22 ngày 28/9/2022 là: 52.801.400 đồng, trong đó: nợ gốc: 0 đồng; nợ lãi trong hạn: 52.469.862 đồng, nợ lãi quá hạn: 331.538 đồng.

+ Nợ thẻ tín dụng đã trả: 124.948.133 đồng, trong đó: nợ gốc: 109.807.640 đồng, nợ lãi: 6.831.466 đồng, phí: 8.309.027 đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng , ông Hoàng Đình V1, bà Hồ Thị N vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, nợ lãi hàng tháng khi đến hạn cho VIB tại các Hợp đồng tín dụng số:4655089.22 ngày 28/9/2022 và Hợp đồng tín dụng số: 5981844.22 ngày 28/9/2022; Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ các số: 4655089 (1).22 ngày 29/9/2022 và số: 5981844(1)22 ngày 05/10/2022 nên kể từ ngày 30/8/2023 toàn bộ các khoản vay của ông Hoàng Đình V1 và bà Hồ Thị N trong các Hợp đồng tín dụng và các khoản vay theo đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng ngày 04/10/2022 tại ngân hàng TMCP Q1 đã bị chuyển sang nợ quá hạn kể từ ngày 30/8/2023.

Tạm tính đến ngày 16/8/2024, ông Hoàng Đình V1 và bà Hồ Thị N còn nợ Ngân hàng TMCP Q1 các khoản nợ bao gồm:

+ Nợ của Hợp đồng tín dụng số:4655089.22 ngày 28/9/2022 với tổng số tiền là: 369.955.709 đồng, trong đó bao gồm: số tiền nợ gốc: 312.500.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 46.141.028 đồng; nợ lãi quá hạn: 11.314.681 đồng.

+ Nợ của Hợp đồng tín dụng số: 5981844.22 ngày 28/9/2022: với tổng số tiền là: 596.971.852 đồng, trong đó bao gồm: nợ gốc: 500.000.000 đồng. nợ lãi trong hạn: 11.753.425đồng; nợ lãi quá hạn: 85.218.427 đồng.

Tổng số tiền mà ông Hoàng Đình V1 và bà Hồ Thị N đang nợ VIB tại các hợp đồng tín dụng nêu trên tạm tính đến ngày 16/8/2024 là: 996.927.561 đồng bao gồm: nợ gốc: 812.500.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 57.894.453 đồng; nợ lãi quá hạn: 96.533.108 đồng.

+ Nợ thẻ tín dụng: 79.202.489 đồng, trong đó: nợ gốc: 35.199.593 đồng, nợ lãi: 14.284.768 đồng, phí: 29.718.128 đồng.

Do ông V1, bà N vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên VIB nhiều lần có thông báo về việc trả nợ còn thiếu gửi khách hàng là bà N và ông V1 nhưng bà N và ông V1 vẫn không thực hiện việc trả nợ đúng hạn hàng tháng cho VIB nên VIB đã có quyết định về việc thu hồi toàn bộ khoản vay và xử lý tài sản đảm bảo đồng thời VIB có thông báo về việc khởi kiện đến khách hàng là ông V1, bà N và làm đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Yên Thành yêu cầu Tòa án buộc ông Hoàng Đình V1 và bà Hồ Thị N phải có trách nhiệm liên đới trả các khoản nợ gốc, nợ lãi còn thiếu cho V2. Tuy nhiên, hiện tại ông Hoàng Đình V1 đã chết nên VIB đề

ngợi Tòa án nhân dân huyện Yên Thành buộc bà Hồ Thị N và các con của ông Hoàng Đình V1 phải có trách nhiệm trả nợ cho V2.

Tại phiên tòa đại diện của Ngân hàng TMCP Q1 giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án buộc bị đơn là Hồ Thị N và các con của ông Hoàng Đình V1 phải có nghĩa vụ tiếp tục trả các khoản nợ gốc và các khoản lãi còn thiếu cho V2 tại Hợp đồng tín dụng số: 4655089.22 ngày 28/9/2022; Hợp đồng tín dụng số: 5981844.22 ngày 28/9/2022 và nợ thẻ tín dụng theo Đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng ngày 04/10/2022 được tạm tính đến ngày xét xử (ngày 16/8/2024) với tổng số tiền là: 1.046.130.050 đồng bao gồm các khoản nợ sau:

+ Nợ của Hợp đồng tín dụng số:4655089.22 ngày 28/9/2022 với tổng số tiền là: 369.955.709 đồng, trong đó bao gồm: số tiền nợ gốc: 312.500.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 46.141.028 đồng; nợ lãi quá hạn: 11.314.681 đồng.

+ Nợ của Hợp đồng tín dụng số: 5981844.22 ngày 28/9/2022: với tổng số tiền là: 596.971.852 đồng, trong đó bao gồm: nợ gốc: 500.000.000 đồng. nợ lãi trong hạn: 11.753.425đồng; nợ lãi quá hạn: 85.218.427 đồng.

+ Nợ thẻ tín dụng: 79.202.489 đồng, trong đó: nợ gốc: 35.199.593 đồng, nợ lãi: 14.284.768 đồng, phí: 29.718.128 đồng.

Ngân hàng TMCP Q1 yêu cầu Tòa án tiếp tục tính lãi, lãi quá hạn kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử cho đến khi bà Hồ Thị N và các con của ông Hoàng Đình V1 (đã chết) thanh toán xong toàn bộ các khoản nợ cho V2.

Trường hợp bà Hồ Thị N và các con của ông Hoàng Đình V1 (đã chết) không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng TMCP Q1 thì đề nghị Tòa án tuyên VIB có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại toàn bộ tài sản đảm bảo đã được thế chấp tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 4996667.22 ngày 28/9/2022 giữa bên thế chấp là ông Hoàng Đình N1 và bà Nguyễn Thị A với bên nhận thế chấp là ngân hàng TMCP Q1. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán hết nợ thì đề nghị Tòa án tuyên bị đơn bà Hồ Thị N, vợ và các con của ông Hoàng Đình V1 (đã chết) phải có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ cho V2 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

Đối với bị đơn là bà Hồ Thị N; người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bị đơn ông Hoàng Đình V1 đã chết gồm anh Hoàng Đình N2, anh Hoàng Đình D, anh Hoàng Đình S; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án gồm chị Nguyễn Thị A, chị Trần Thúy Q đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ, các văn bản tố tụng yêu cầu các đương sự có mặt tại tòa án để giải quyết tranh chấp, nhưng tất cả đều không có mặt, không hợp tác trong quá trình làm việc tại Tòa án. Do vậy, Tòa án không lấy được lời khai, ý kiến trình bày của bị đơn, người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bị đơn ông Hoàng Đình V1, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án đối với khởi kiện của V2.

Căn cứ vào giấy trích lục khai tử của ông Hoàng Đình V1 do UBND xã L cung cấp thì ông Hoàng Đình V1 chết ngày 27/11/2022. Để có căn cứ giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh hàng thừa kế thứ nhất của ông Hoàng Đình V1 và các tài sản là di sản của ông Hoàng Đình V1 để lại. Kết quả xác minh tại tư pháp

xã L, huyện Y cho biết: Hàng thừa kế thứ nhất của ông Hoàng Đình V1 (đã chết) gồm: vợ bà Hồ Thị N; các con đẻ gồm: anh Hoàng Đình N1, sinh năm 1982, anh Hoàng Đình D, sinh năm 1990; anh Hoàng Đình S, sinh năm 1991. Bố mẹ đẻ gồm: ông Hoàng Đình T (bố đẻ đã chết ngày 30/01/2024) và mẹ đẻ là bà: Nguyễn Thị N3 (đã chết ngày 06/12/2018). Ngoài ra ông Hoàng Đình V1 không có con riêng, con nuôi và ông V1 không có bố mẹ nuôi.

Tại biên bản xác minh về tài sản của ông Hoàng Đình V1 (đã chết) ngày 17/4/2024 tại UBND xã L, huyện Y thể hiện: Ông Hoàng Đình V1 (đã chết) và vợ là bà Hồ Thị N có tài sản chung là thửa đất số 442, tờ bản đồ 299, diện tích: 825 m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 09/4/1995 mang tên ông Hoàng Đình V1 và bà Hồ Thị N (chưa cấp đổi sang sổ hồng), trên thửa đất đã được xây dựng một số tài sản.

Tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 25/6/2024 xác định: Thửa đất số 442, tờ bản đồ 299, diện tích: 825 m² đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 09/4/1995 (Bìa đỏ) mang tên ông Hoàng Đình V1 và bà Hồ Thị N. Theo tờ bản đồ số 06 - xã L thì thửa đất nêu trên nay có số thửa là 61, diện tích 971,5 m², Địa chỉ thửa đất: xóm Làng D1, xã L, huyện Y. So với thửa số 442 trước đây thì diện tích thửa đất số 61 tăng lên 146,5 m², việc tăng diện tích là do sai số qua quá trình đo đạc, không phải do lấn chiếm các thửa đất tiếp giáp, liền kề. Do đất có nguồn gốc trước năm 1980 nên được công nhận diện tích đất ở là 825 m², diện tích tăng thêm 146,5m² là đất trồng cây lâu năm. Quá trình xem xét đo vẽ thẩm định tại chỗ thấy rằng giới cận của thửa đất không có gì thay đổi theo bản đồ địa chính, tờ bản đồ số 06 xã L, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

- Tài sản hiện có trên thửa đất: Phía bắc của thửa đất số 61, tờ bản đồ số 06 tại xóm L, xã L, huyện Y thì ông Hoàng Đình V1, bà Hồ Thị N đã hiến tặng cho họ “H” một phần diện tích đất của thửa đất có diện tích là 106,2 m² được xác định là đất trồng cây lâu năm, nằm trong phần diện tích đất tăng thêm theo bản đồ số 06 xã L, so với bản đồ có các cạnh như sau:

+ Cạnh phía đông bắc gồm hai đoạn (đoạn 4,41 m + 1,95 m)

+ Cạnh phía tây giáp với thửa đất số 60 là đất của ông Hoàng Đình M có độ dài được chia làm 03 đoạn (đoạn dài 4.25m; đoạn dài 3,56, đoạn dài 2.18 m);

+ Cạnh phía nam giáp với diện tích đất của ông V1 và bà N còn lại dài 20,97 m

+ Cạnh phía bắc giáp đường liên xóm dài 13,88 m.

Trên diện tích đất 106,2 m² hiện nay họ “H” đã xây dựng 01 nhà thờ có diện tích sử dụng 6.08 m x 7,45 m = 45,3 m và Hệ thống mái tôn trước nhà thờ có kích thước 6.08 m x 4,8 m = 29,2 m². Tổng diện tích xây dựng của nhà thờ + Hệ thống mái tôn là: 45,3 m² + 29,2m² = 74,5 m².

(Đối với phần đất và các tài sản trên đất mà ông V1, bà N đã cắt hiến tặng cho họ Hoàng Đ hội đồng định giá không tiến hành định giá theo yêu cầu của đương sự).

- Phía nam của thửa đất số 61, tờ bản đồ số 06 tại xóm L, xã L, huyện Y thì vợ chồng anh Hoàng Đình S, chị Trần Thúy Q (con trai và con dâu của ông V1 và bà

N) đã xây dựng 01 ngôi nhà đổ mái bằng lợp ngói chống nóng trên một phần của thửa đất số 61, có diện tích đất là 333,8 m², trong đó có 40,3 m² đất trồng cây lâu năm có các cạnh cụ thể như sau:

+ Cạnh phía đông giáp đường xóm gồm 02 đoạn (đoạn dài 1.53 m + đoạn dài 8,47 m);

+ Cạnh phía tây giáp với thửa đất số 60 (đất ông Hoàng Đình M) và thửa đất số 84 (đất ông Nguyễn Bá T2) có độ dài được chia làm 06 đoạn (đoạn dài 9.11 m; đoạn dài: 3,90 m; đoạn dài 2.88 m; đoạn dài 6.58 m và đoạn dài 1.40 m).

+ Cạnh phía nam giáp với thửa đất số 341 (đất ông Nguyễn Bá C) có độ dài được chia làm hai đoạn (đoạn dài 15.32 m; đoạn dài 10.31 m).

+ Cạnh phía bắc giáp diện tích đất còn lại là 532.5 m² bà Hồ Thị N và các con của ông V1, bà N quản lý dài 20.53 m.

Diện tích đất 333.8 m² gồm 293,5 m² đất ở và 40,3m² đất trồng cây lâu năm có tổng giá trị là: 564.570.000 đồng hiện nay vợ chồng anh S, chị Q chưa được bà Hồ Thị N và ông Hoàng Đình V1 làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất cho anh S và chị Q.

Nhà ở của anh S và chị Q được xây dựng trên diện tích đất 333,8 m², có diện tích sử dụng: rộng 7.5 m x dài 16m = 120 m² có giá trị là 960.000.000 đồng.

Phía trước ngôi nhà của anh S và chị Q là hệ thống mái tôn có kích thước 10 m x 6 m = 60 m² có giá trị là 24.000.000 đồng.

Hệ thống cổng đổ sàn phía trên (Trước hệ thống mái tôn); Cổng cao 2,8 m x rộng 3,2m, trong đó 04 cánh cổng làm bằng sắt, mỗi cánh rộng 80 cm và cao 2,8 m, có tổng giá trị là 8.960.000 đồng.

- Phần diện tích đất còn lại là 531,5 m² đất ở có giá trị là 956.700.000 đồng hiện nay bà Hồ Thị N và các con của ông Hoàng Đình V1 (đã chết) đang quản lý có các cạnh:

+ Cạnh phía đông giáp đường xóm có các đoạn dài (đoạn dài 4,41 m + đoạn dài 1,95 m) = 28,26 m.

+ Cạnh phía tây giáp với thửa đất số 60 của ông Hoàng Đình M dài 23,44 m

+ Cạnh phía nam giáp với đất của vợ chồng anh S, chị Q đang ở dài 23,44 m.

+ Cạnh phía bắc giáp với diện tích đất nhà thờ họ Hoàng Đ dài 20,97 m.

-Tài sản hiện có trên diện tích đất 531,5 m² mà bà Hồ Thị N và các con của ông Hoàng Đình V1 (đã chết) đang quản lý gồm:

+/Một nhà cấp bốn hướng đông, có diện tích sử dụng là 9,8 m x 7 m = 68,6 m² có giá trị là 137.200.000 đồng.

+/Hệ thống mái tôn trước nhà cấp bốn hướng đông có diện tích sử dụng 9,8 m x 4,5 m = 44,1 m² có giá trị là 5292.000 đồng.

+/Một nhà cấp bốn hướng nam có diện tích sử dụng 8,7m x 7,4m = 64,38 m² có giá trị là 115.884.000 đồng.

+/Một nhà vệ sinh + nhà tắm trước nhà cấp 4 hướng đông có kích thước 3m x 2m = 6m² có giá trị 12.000.000 đồng.

(Nhà cấp bốn hướng đông; nhà cấp 4 hướng nam; Hệ thống mái tôn trước nhà hướng đông và nhà vệ sinh trước nhà hướng đông, các tài sản này thuộc quyền sở hữu của ông Hoàng Đình V1 (đã chết) và bà Hồ Thị N).

Ngày 20/6/2024, Tòa án cũng đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với thửa đất số: 403 (tách từ thửa 347), tờ bản đồ số 19, diện tích: 646,4 m², trong đó: 320 m² đất ở và 326,4 m² đất trồng cây lâu năm, địa chỉ thửa đất tại: Xóm Đ, xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An. Thửa đất này đã được ông Hoàng Đình N1 và bà Nguyễn Thị A thế chấp cho V2 để đảm bảo cho khoản vay của bà Hồ Thị N, ông Hoàng Đình V1 tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 4996667.22 ngày 28/9/2022.

Sau khi tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với thửa đất nêu trên nhận thấy về diện tích, chiều dài các cạnh, các mặt của thửa đất nêu trên đều không có gì thay đổi so với hồ sơ kỹ thuật của thửa đất. Thửa đất phù hợp với quy hoạch và không tranh chấp với các hộ liền kề. Trên thửa đất có các tài sản gồm: 01 nhà đồ bằng hướng đông, lợp chông nóng bằng ngói tây, có diện tích sử dụng: dài 14m x 9,20m = 128,8 m²; 01 nhà hướng nam có diện tích sử dụng: dài 6,2 m x rộng 5,2 m = 32,24 m², ngoài ra trên đất không có các tài sản nào khác.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên - đại diện của Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

-Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến xét xử, Thẩm phán, thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng nhiệm vụ, quyền hạn và tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Các đương sự trong vụ án gồm: Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã chấp hành đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn bà Hồ Thị N; những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Hoàng Đình V1 (đã chết); những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án chưa chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

-Về nội dung vụ án: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án, căn cứ vào các quy định của pháp luật, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện Tranh chấp Hợp đồng tín dụng và yêu cầu thực hiện nghĩa vụ của người chết để lại của Ngân hàng TMCP Q1. Buộc bà Hồ Thị N cùng với hàng thừa kế thứ nhất của ông Hoàng Đình V1 (đã chết) gồm: bà Hồ Thị N, anh Hoàng Đình N1, Hoàng Đình D và anh Hoàng Đình S phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Q1 tổng số tiền tạm tính đến ngày xét xử là ngày 16/8/2024 của Hợp đồng tín dụng số:4655089.22 ngày 28/9/2022; Hợp đồng tín dụng số: 5981844.22 ngày 28/9/2022 và nợ thẻ tín dụng theo Đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng ngày 04/10/2022 là: 1.046.130.050 đ (Một tỷ không trăm bốn mươi sáu triệu một trăm ba mươi nghìn không trăm năm mươi đồng) bao gồm các khoản nợ sau:

+ Nợ của Hợp đồng tín dụng số:4655089.22 ngày 28/9/2022 với tổng số tiền là: 369.955.709 đồng, trong đó bao gồm: số tiền nợ gốc: 312.500.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 46.141.028 đồng; nợ lãi quá hạn: 11.314.681 đồng.

+ Nợ của Hợp đồng tín dụng số: 5981844.22 ngày 28/9/2022: với tổng số tiền là: 596.971.852 đồng, trong đó bao gồm: nợ gốc: 500.000.000 đồng. nợ lãi trong hạn: 11.753.425đồng; nợ lãi quá hạn: 85.218.427 đồng.

+ Nợ thẻ tín dụng: 79.202.489 đồng, trong đó: nợ gốc: 35.199.593 đồng, nợ lãi: 14.284.768 đồng, phí: 29.718.128 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử là ngày 17/8/2024 cho đến khi thi hành xong đối với các khoản nợ chưa trả, bên phải thi hành án còn phải tiếp tục chịu các khoản tiền lãi mà các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số:4655089.22 ngày 28/9/2022; Hợp đồng tín dụng số: 5981844.22 ngày 28/9/2022 và nợ thẻ tín dụng theo Đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng ngày 04/10/2022, có sự điều chỉnh tiền lãi theo quy định mà các bên đã thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng và đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng.

Khi án có hiệu lực pháp luật, nếu hàng thừa kế thứ nhất của ông Hoàng Đình V1 (đã chết) gồm: bà Hồ Thị N, anh Hoàng Đình N1, Hoàng Đình D và anh Hoàng Đình S cùng với bị đơn bà Hồ Thị N không trả được nợ hoặc trả không đầy đủ các khoản nợ còn thiếu cho ngân hàng TMCP Q1 thì VIB có quyền được tự phát mại các tài sản thế chấp hoặc có quyền yêu cầu Chi cục thi hành dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại các tài sản đảm bảo đã thế chấp tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 4996667.22 ngày 28/9/2022 để thu hồi nợ cho ngân hàng. Trường hợp nếu như tài sản thế chấp sau khi phát mại vẫn không đủ cho việc thanh toán các khoản nợ thì hàng thừa kế thứ nhất của ông Hoàng Đình V1 (đã chết) gồm: bà Hồ Thị N, anh Hoàng Đình N1, Hoàng Đình D và anh Hoàng Đình S cùng với bị đơn bà Hồ Thị N phải có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán các khoản nợ còn lại cho Ngân hàng TMCP Q1 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ các khoản nợ.

- Xử lý tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí định giá tài sản và tiền án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Hoàng Đình V1 (đã chết) gồm: Bà Hồ Thị N, anh Hoàng Đình N1, Hoàng Đình D và anh Hoàng Đình S cùng với bà Hồ Thị N phải có nghĩa vụ chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí định giá tài sản và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án do bị đơn ông Hoàng Đình V1 (đã chết) nên Tòa án đưa những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Hoàng Đình V1 còn sống gồm bà Hồ Thị N (đồng thời là bị đơn), anh Hoàng Đình N1 (đồng thời là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan), anh Hoàng Đình D, anh Hoàng Đình S vào tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 74 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đây là tranh chấp về hợp đồng tín dụng và thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại được quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS; Bị đơn ông Hoàng Đình V1 (đã

chết), bà Hồ Thị N có nơi cư trú tại xã L, huyện Y, tỉnh Nghệ An nên TAND huyện Yên Thành thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Trong quá trình giải quyết vụ án tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, giấy triệu tập yêu cầu nguyên đơn, bị đơn, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Hoàng Đình V1 (đã chết), người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, có mặt tại Tòa án để tham gia tố tụng và giải quyết vụ án. Nhưng bị đơn, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Hoàng Đình V1 (đã chết), những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều không chấp hành hợp tác, nên Tòa án phải đưa vụ án ra xét xử để giải quyết tranh chấp.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử lần thứ nhất, Giấy triệu tập phiên tòa lần thứ nhất cho các đương sự. Tại phiên tòa lần thứ nhất, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt, bị đơn, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Hoàng Đình V1 (đã chết), người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa, trong đó ấn định thời gian mở lại phiên tòa.

Để tiếp tục xét xử vụ án, Tòa án tiếp tục tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập phiên tòa lần thứ hai cho các đương sự. Tại phiên tòa lần thứ hai người đại diện của nguyên đơn có mặt, bị đơn bà Hồ Thị N, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Hoàng Đình V1 (đã chết), những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tiếp tục vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b, khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với bị đơn bà Hồ Thị N, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Hoàng Đình V1 (đã chết) và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn là bà Hồ Thị N cùng với hàng thừa kế thứ nhất của ông Hoàng Đình V1 (đã chết) gồm: bà Hồ Thị N, anh Hoàng Đình N1, Hoàng Đình D và anh Hoàng Đình S phải có trách nhiệm liên đới trả số tiền nợ gốc và các khoản lãi còn thiếu cho V2 tại các Hợp đồng tín dụng số:4655089.22 ngày 28/9/2022; Hợp đồng tín dụng số: 5981844.22 ngày 28/9/2022 và nợ thẻ tín dụng theo Đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng ngày 04/10/2022 tạm tính đến ngày xét xử là ngày 16/8/2024 thấy:

Vào ngày 28/9/2022, ông Hoàng Đình V1 và bà Hồ Thị N đã lần lượt ký hai hợp đồng tín dụng với V2 gồm: Hợp đồng tín dụng số:4655089.22 ngày 28/9/2022 và Hợp đồng tín dụng số: 5981844.22 ngày 28/9/2022 với Ngân hàng TMCP Q1. Sau khi ký hợp đồng thì V2 đã lần lượt giải ngân cho ông Hoàng Đình V1 và bà Hồ Thị N nhưng khoản vay theo những hợp đồng tín dụng và Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số: 4655089 (1).22 ngày 29/9/2022 và Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số: 5981844(1)22 ngày 05/10/2022 với tổng số tiền nợ gốc là: 875.000.000 đ (T3 trăm bảy mươi lăm triệu đồng).

Căn cứ Đơn đề nghị cấp thẻ tín dụng của vợ chồng ông Hoàng Đình V1 ngày 04/10/2022 thì V2 đã giải ngân cho ông Hoàng Đình V1 tiếp tục vay số tiền gốc là: 37.000.000 đ (ba mươi bảy triệu đồng).

Ông Hoàng Đình V1 và bà Hồ Thị N đã nhận đủ toàn bộ số tiền vay tại hai hợp đồng tín dụng và đơn đề nghị cấp thẻ tín dụng. Tại bản sao kê lịch sử trả nợ trong thời gian vay nợ, thì ông Hoàng Đình V1 và bà Hồ Thị N đã trả được cho V2 tổng số tiền là: 286.461.774 đồng, bao gồm:

+ Số tiền đã trả theo Hợp đồng tín dụng số:4655089.22 ngày 28/9/2022 là:108.712.241 đồng, trong đó:tiền nợ gốc: 62.500.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 45.065.136 đồng, nợ lãi quá hạn: 1.147.105 đồng.

+ Số tiền đã trả theo Hợp đồng tín dụng số: 5981844.22 ngày 28/9/2022 là: 52.469.862 đồng, trong đó: nợ gốc: 0 đồng; nợ lãi trong hạn: 52.469.862 đồng, nợ lãi quá hạn: 331.538 đồng.

+ Nợ thẻ tín dụng đã trả: 124.948.133 đồng, trong đó: nợ gốc: 109.807.640 đồng, nợ lãi: 8.831.466 đồng, phí: 8.309.027 đồng.

Căn cứ vào bản kê tính lãi chi tiết của các khoản vay và dư nợ của phía V2 cung cấp thì ông Hoàng Đình V1 (đã chết) và bà Hồ Thị N đang còn nợ VIB tổng số tiền tạm tính đến ngày 16/8/2024 là: 1.046.130.050 đ (Một tỷ không trăm bốn mươi sáu triệu một trăm ba mươi nghìn không trăm năm mươi đồng) bao gồm các khoản nợ sau:

+ Nợ của Hợp đồng tín dụng số:4655089.22 ngày 28/9/2022 với tổng số tiền là: 369.955.709 đồng, trong đó bao gồm: số tiền nợ gốc: 312.500.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 46.141.028 đồng; nợ lãi quá hạn: 11.314.681 đồng.

+ Nợ của Hợp đồng tín dụng số: 5981844.22 ngày 28/9/2022: với tổng số tiền là: 596.971.852 đồng, trong đó bao gồm: nợ gốc: 500.000.000 đồng. nợ lãi trong hạn: 11.753.425đồng; nợ lãi quá hạn: 85.218.427 đồng.

+ Nợ thẻ tín dụng: 79.202.489 đồng, trong đó: nợ gốc: 35.199.593 đồng, nợ lãi: 14.284.768 đồng, phí: 29.718.128 đồng.

Tài sản đảm bảo cho các khoản vay trên là: Thửa đất số 403 (tách từ thửa 347), tờ bản đồ số 19, diện tích: 646,4 m², trong đó: 320 m² đất ở và 326,4 m² đất trồng cây lâu năm, địa chỉ thửa đất tại: Xóm Đ, xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An thuộc quyền sử dụng của anh Hoàng Đình N1 và chị Nguyễn Thị A thế chấp cho Ngân hàng TMCP Q1 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 4996667.22 ngày 28/9/2022.

Xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là bà Hồ Thị N và hàng thừa kế thứ nhất của ông Hoàng Đình V1 (đã chết) và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án không hợp tác để giải quyết tranh chấp. Nhưng căn cứ vào các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp gồm: Các Hợp đồng tín dụng số:4655089.22 ngày 28/9/2022; Hợp đồng tín dụng số: 5981844.22 ngày 28/9/2022; các Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số: 4655089 (1).22 ngày 29/9/2022; Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số: 5981844(1)22 ngày 05/10/2022; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 4996667.22 ngày 28/9/2022; Bản sao kê lịch trả nợ của khách hàng do VIB cung cấp; các thông

vào về việc thu hồi nợ và xử lý tài sản đảm bảo; thông báo khởi kiện yêu cầu trả nợ của ngân hàng gửi khách hàng (ông V1, bà N); Bản tự khai của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án thì thấy giữa V2 và vợ chồng ông Hoàng Đình V1, bà Hồ Thị N ký kết các Hợp đồng tín dụng (nêu trên) và thẻ tín dụng trên thực tế là có thực. Sau khi ký hợp đồng tín dụng, căn cứ các Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ của ông V1, bà N thì V2 đã giải ngân cho vợ chồng ông V1, bà N vay tổng số tiền nợ gốc của hai Hợp đồng tín dụng số: 4655089.22 ngày 28/9/2022 và Hợp đồng tín dụng số: 5981844.22 ngày 28/9/2022 là: 875.000.000 đ (Tám trăm bảy mươi lăm triệu đồng). Tiếp đến ngày 04/10/2022, căn cứ đơn đề nghị cấp thẻ tín dụng của vợ chồng ông Hoàng Đình V1 thì V2 tiếp tục giải ngân cho ông Hoàng Đình V1 tiếp tục vay số tiền 37.000.000 đ (ba mươi bảy triệu đồng). Quá trình thực hiện nghĩa vụ trả nợ ông V1, bà N mới trả được cho V2 tổng số tiền là: 286.461.774 đồng của hai hợp đồng tín dụng và thẻ tín dụng. Hiện tại, ông Hoàng Đình V1 (đã chết) và bà Hồ Thị N đang còn nợ BIB số tiền tạm tính đến ngày 16/8/2024 của hai hợp đồng tín dụng và thẻ tín dụng đã được cấp là: 1.046.130.050 đ (Một tỷ không trăm bốn mươi sáu triệu một trăm ba mươi nghìn không trăm năm mươi đồng).

Căn cứ vào hai hợp đồng tín dụng do ông Hoàng Đình V1, bà Hồ Thị N đã ký với VIB và Thẻ tín dụng được mở tại V2 theo đơn đề nghị của ông V1, bà N, thì có cơ sở để xác định những khoản vay của ông Hoàng Đình V1, bà Hồ Thị N tại VIB là nợ chung của vợ chồng ông V1 và bà N trong thời kỳ hôn nhân. Do đó, ông Hoàng Đình V1 phải có trách nhiệm trả cho ngân hàng $\frac{1}{2}$ số nợ, bà Hồ Thị N trả $\frac{1}{2}$ số nợ. Do ông Hoàng Đình V1 đã chết nên bị đơn bà Hồ Thị N, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Hoàng Đình V1 gồm: Bà Hồ Thị N, anh Hoàng Đình N1, Hoàng Đình D và anh Hoàng Đình S phải có trách nhiệm trả tiền vốn vay và tiền lãi cho V2 trong phạm vi tài sản (di sản) của ông Hoàng Đình V1 chết để lại (các tài sản mà ông Hoàng Đình V1 chết để lại nằm trong khối tài sản chung với bà Hồ Thị N, hiện tại các tài sản này đang do vợ là bà Hồ Thị N và các con của ông V1, bà N đang quản lý, sử dụng).

Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số: 4655089.22 ngày 28/9/2022; Hợp đồng tín dụng số: 5981844.22 ngày 28/9/2022 và Thẻ tín dụng được mở theo đơn đề nghị của khách hàng ông Hoàng Đình V1 ngày 04/10/2022. Do ông Hoàng Đình V1 và bà Hồ Thị N không trả đầy đủ nợ gốc và nợ lãi hàng tháng theo thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng; đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ, nên ông V1, bà N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do vậy, ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn bà Hồ Thị N và hàng thừa kế thứ nhất của ông Hoàng Đình V1 (đã chết) gồm anh Hoàng Đình N1, Hoàng Đình D và anh Hoàng Đình S phải có trách nhiệm thanh toán các khoản nợ gốc, nợ lãi còn thiếu cho V2 là đúng quy định của pháp luật, cần được chấp nhận.

[2.2] Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc xử lý tài sản đảm bảo mà người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Hoàng Đình N1, chị Nguyễn Thị A đã thế chấp cho Ngân hàng TMCP Q1 để đảm bảo khoản vay của ông V1, bà N thấy rằng:

Căn cứ Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số:4996667.22 ngày 28/9/2022 và biên bản cam kết kết của bên thế chấp là ông Hoàng Đình N1, bà Nguyễn Thị A ngày 28/9/2022 thì tài sản mà ông Hoàng Đình N1 và bà Nguyễn Thị A thế chấp cho V2 để đảm bảo toàn bộ các nghĩa vụ trả nợ của ông Hoàng Đình V1 và vợ là bà Hồ Thị N tại VIB theo Hợp đồng tín dụng số:4655089.22 ngày 28/9/2022; Hợp đồng tín dụng số:5981844.22 ngày 28/9/2022 và đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng ngày 04/10/2022 là thửa đất số 403 (tách từ thửa 347), tờ bản đồ số 19; Diện tích: 646,4 m², trong đó: 320 m² đất ở và 326,4 m² đất trồng cây lâu năm; Địa chỉ thửa đất tại: Xóm Đ, xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An. Qua xem xét thẩm định tại chỗ thì thửa đất số 403, tờ bản đồ số 19 ở xóm Đ, xã Đ về diện tích, chiều dài các cạnh, các mặt của thửa đất nêu trên đều không có gì thay đổi so với hồ sơ kỹ thuật của thửa đất. Thửa đất phù hợp với quy hoạch và không tranh chấp với các hộ liền kề. Trên thửa đất có các tài sản gồm: 01 nhà đổ bằng hướng đông, lớp chống nóng bằng ngói tây, có diện tích sử dụng: dài 14m x 9,20m = 128,8 m²; 01 nhà hướng nam có diện tích sử dụng: dài 6,2 m x rộng 5,2 m = 32,24 m², ngoài ra trên đất không có các tài sản nào khác.

Nhận thấy, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 5981844.22 ngày 28/9/2022, được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Q1 với vợ chồng ông Hoàng Đình N1, bà Nguyễn Thị A trên cơ sở tự nguyện của các bên.

Mặt khác, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 5981844.22 ngày 28/9/2022 được lập thành văn bản, có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật; Các tài sản thế chấp thuộc quyền sở hữu, sử dụng chung của ông Hoàng Đình N1 và bà Nguyễn Thị A, các tài sản này đều không có khiếu nại, tranh chấp với ai. Vợ chồng ông Hoàng Đình N1, bà Nguyễn Thị A tự nguyện thế chấp tài sản chung của vợ chồng để bảo đảm việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho các khoản vay của ông Hoàng Đình V1, bà Nguyễn Thị N4. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 5981844.22 ngày 28/9/2022 được công chứng tại Văn phòng C1, địa chỉ: số E đường L, phường L, thành phố V, tỉnh Nghệ An và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Y, tỉnh Nghệ An ngày 29/9/2022. Việc ký kết các hợp đồng thế chấp đều đảm bảo theo đúng quy định về đối tượng thế chấp, điều kiện thế chấp và các tài sản mà ông Hoàng Đình N1, bà Nguyễn Thị A thế chấp cho ngân hàng TMCP Q1 đều không thuộc trường hợp tài sản không được thế chấp theo quy định tại Điều 7, Điều 23, Điều 27 Quyết định số 217/QĐ- ngày 17/8/1996 của Ngân hàng N5 về việc ban hành quy chế thế chấp, cầm cố tài sản, bảo lãnh vay vốn ngân hàng và theo Khoản 1 Điều 295 Bộ luật dân sự nên hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất nêu trên giữa ông N1, bà A với ngân hàng TMCP Q1 là hợp pháp và hợp đồng thế chấp phát sinh hiệu lực kể từ thời điểm ký kết giữa bên nhận thế chấp là Ngân hàng TMCP Q1 và bên thế chấp là ông Hoàng Đình N1, bà Nguyễn Thị A. Do trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, bên vay là ông Hoàng Đình V1 (đã chết) và bà Hồ Thị N vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi hàng tháng theo quy định tại các hợp đồng tín dụng, đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ cho V2, nên VIB yêu cầu Tòa án buộc bên vay là bị đơn bà Hồ Thị N cùng với hàng thừa kế thứ nhất của ông Hoàng Đình V1 đã chết bao

gồm: bà Hồ Thị N, anh Hoàng Đình N1, Hoàng Đình D và anh Hoàng Đình S phải có trách nhiệm thanh toán các khoản nợ gốc, lãi còn thiếu cho V2. Trong trường hợp bị đơn bà Hồ Thị N cùng với hàng thừa kế thứ nhất của ông Hoàng Đình V1 (đã chết) bao gồm bà Hồ Thị N, anh Hoàng Đình N1, Hoàng Đình D và anh Hoàng Đình S không trả được nợ hoặc trả không đầy đủ thì Ngân hàng có quyền tự mình phát mại tài sản đảm bảo hoặc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại các tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất theo quy định tại tiêu mục 6.3 mục 6 của Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 5981844.22 ngày 28/9/2022 mà không cần sự chấp thuận của ông Hoàng Đình N1, bà Nguyễn Thị A.

[3] Về xử lý tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Nguyên đơn đã nộp tổng số tiền 10.000.000 đồng tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản. Quá trình xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản Tòa án đã chi phí hết số tiền trên, do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nghĩa vụ chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản thuộc trách nhiệm của bị đơn. Vì vậy, buộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Hoàng Đình V1 (đã chết) gồm: bà Hồ Thị N, anh Hoàng Đình N1, anh Hoàng Đình D và anh Hoàng Đình S trong phạm vi tài sản của ông Hoàng Đình V1 chết để lại cùng với bị đơn bà Hồ Thị N phải chịu tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và tiền định giá tài sản theo quy định của pháp luật.

Do trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã nộp số tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản nêu trên nên buộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Hoàng Đình V1 (đã chết) gồm: bà Hồ Thị N, anh Hoàng Đình N1, anh Hoàng Đình D và anh Hoàng Đình S trong phạm vi tài sản của ông Hoàng Đình V1 chết để lại cùng với bà Hồ Thị N có nghĩa vụ hoàn trả lại số tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản nêu trên cho nguyên đơn là ngân hàng TMCP Q1.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được tòa án chấp nhận, nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn.

Buộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Hoàng Đình V1 (đã chết) gồm: Bà Hồ Thị N, anh Hoàng Đình N1, anh Hoàng Đình D và anh Hoàng Đình S trong phạm vi tài sản của ông Hoàng Đình V1 chết để lại cùng với bị đơn bà Hồ Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Xét thấy, đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bởi các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 74, Điều 147, Điều 156, Điều 157, Điều 165, Điều 227, Điều 228, Điều 273, Điều 280, Điều 651 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 280, 288; 317; 318, 319, 320,

321, 322, 351, 357, 465, 466, 468 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 91 và khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 1, Điều 2 Thông tư số: 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Thống đốc Ngân hàng N5 về Hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận; khoản 2 điều 11 Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng theo QĐ số: 1627/2001/TT-NHNN ngày 31/12/2010 của Thống đốc Ngân hàng N5; Điều 7, điểm a khoản 1 Điều 12, Điều 56 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện Tranh chấp hợp đồng tín dụng và yêu cầu thực hiện nghĩa vụ của người chết để lại của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q1 (V2) đối với bị đơn bà Hồ Thị N; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Đình N1, chị Nguyễn Thị A và người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Hoàng Đình V1 (đã chết) gồm bà Hồ Thị N, anh Hoàng Đình N1, anh Hoàng Đình D và anh Hoàng Đình S .

Buộc: Bị đơn bà Hồ Thị N và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Hoàng Đình V1 (đã chết) gồm: Bà Hồ Thị N, anh Hoàng Đình N1, anh Hoàng Đình D và anh Hoàng Đình S trong phạm vi di sản của ông Hoàng Đình V1 chết để lại phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Q1 tổng số tiền dư nợ gốc và các khoản lãi theo Hợp đồng tín dụng số:4655089.22 ngày 28/9/2022; Hợp đồng tín dụng số: 5981844.22 ngày 28/9/2022 và nợ cấp thẻ tín dụng ngày 04/10/2024 với tổng số tiền tạm tính đến ngày xét xử là ngày 16/8/2024 là:1.046.130.050 đ (Một tỷ không trăm bốn mươi sáu triệu một trăm ba mươi nghìn không trăm năm mươi đồng) bao gồm các khoản nợ cụ thể sau:

+ Nợ của Hợp đồng tín dụng số:4655089.22 ngày 28/9/2022 với tổng số tiền là: 369.955.709 đồng, trong đó bao gồm: số tiền nợ gốc: 312.500.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 46.141.028 đồng; nợ lãi quá hạn: 11.314.681 đồng.

+ Nợ của Hợp đồng tín dụng số: 5981844.22 ngày 28/9/2022, với tổng số tiền là: 596.971.852 đồng, trong đó bao gồm: nợ gốc: 500.000.000 đồng. nợ lãi trong hạn: 11.753.425đồng; nợ lãi quá hạn: 85.218.427 đồng.

+ Nợ thẻ tín dụng: 79.202.489 đồng, trong đó: nợ gốc: 35.199.593 đồng, nợ lãi: 14.284.768 đồng, phí: 29.718.128 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm là ngày 17/8/2024 hàng thừa kế thứ nhất của ông Hoàng Đình V1 (đã chết) gồm: bà Hồ Thị N, anh Hoàng Đình N1, anh Hoàng Đình D và anh Hoàng Đình S trong phạm vi di sản của ông Hoàng Đình V1 chết để lại cùng với bị đơn bà Hồ Thị N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng nhưng được điều chỉnh mức lãi suất theo Quyết định của ngân hàng TMCP Q1 theo từng thời kỳ.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng TMCP Q1 làm đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn bà Hồ Thị N, hàng thừa kế thứ nhất của ông Hoàng Đình V1 (đã chết) gồm: Bà Hồ Thị N, anh Hoàng Đình N1, anh Hoàng Đình D và anh Hoàng Đình S không trả hoặc trả không đủ số tiền nợ nêu trên thì Ngân hàng

TMCP Q1 có quyền tự mình phát mại tài sản đảm bảo hoặc có quyền yêu cầu cơ quan Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền, tiến hành kê biên, phát mại các tài sản đảm bảo mà ông Hoàng Đình N1, bà Nguyễn Thị A đã thế chấp cho Ngân hàng TMCP Q1 tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 5981844.22 ngày 28/9/2022, tài sản gồm: thửa đất số 403 (tách từ thửa 347), tờ bản đồ số 19, diện tích: 646,4 m², trong đó: 320 m² đất ở và 326,4 m² đất trồng cây lâu năm, địa chỉ thửa đất tại: Xóm Đ, xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An. Trên thửa đất có các tài sản gồm: 01 nhà đồ bằng hướng đông, lớp chống nóng bằng ngói tây, có diện tích sử dụng: dài 14m x 9,20m = 128,8 m²; 01 nhà hướng nam có diện tích sử dụng: dài 6,2 m x rộng 5,2 m = 32,24 m² để thu hồi nợ.

Trường hợp sau khi xử lý tài sản thế chấp mà vẫn không đủ để trả nợ thì hàng thừa kế thứ nhất của ông Hoàng Đình V1 (đã chết) gồm: bà Hồ Thị N, anh Hoàng Đình N1, anh Hoàng Đình D và anh Hoàng Đình S cùng với bà Hồ Thị N vẫn phải có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán các khoản nợ cho ngân hàng TMCP Q1 cho đến khi thanh toán hết các khoản nợ. Trong trường hợp sau khi phát mại tài sản để thu hồi nợ mà còn dư (thừa) tiền (giá trị của tài sản) thì ngân hàng TMCP Q1 có trách nhiệm hoàn trả lại số tiền thừa trên cho bên thế chấp.

Sau khi hàng thừa kế thứ nhất của ông Hoàng Đình V1 (đã chết) gồm: bà Hồ Thị N, anh Hoàng Đình N1, anh Hoàng Đình D và anh Hoàng Đình S cùng với bị đơn bà Hồ Thị N hoàn thành nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP Q1 - Chi nhánh V3 - Phòng G có nghĩa vụ trả lại giấy tờ về tài sản thế chấp cho ông Hoàng Đình N1 và bà Nguyễn Thị A.

- Về Lệ phí và chi phí tố tụng: Hàng thừa kế thứ nhất của ông Hoàng Đình V1 (đã chết) gồm: Bà Hồ Thị N, anh Hoàng Đình N1, anh Hoàng Đình D và anh Hoàng Đình S trong phạm vi di sản của ông Hoàng Đình V1 chết để lại cùng với bà Hồ Thị N phải có nghĩa vụ trả lại số tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản là 10.000.000 đ (Mười triệu đồng) cho ngân hàng TMCP Q1.

- Về án phí: Căn cứ Điều 147 của BLTTDS; Điều 26 của nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Hoàng Đình V1 (đã chết) gồm: Bà Hồ Thị N, anh Hoàng Đình N1, anh Hoàng Đình D và anh Hoàng Đình S trong phạm vi di sản của ông Hoàng Đình V1 chết để lại cùng với bị đơn bà Hồ Thị N phải có nghĩa vụ nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 43.383.901 đ (Bốn mươi ba triệu ba trăm tám mươi ba nghìn chín trăm linh một đồng).

Trả lại cho Ngân hàng TMCP Q1 số tiền tạm ứng án phí là 19.778.000 đ (Mười chín triệu bảy trăm bảy mươi tám nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002621 ngày 01/3/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án lên tòa án cấp phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn, những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Hoàng Đình V1 (đã chết), người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền

kháng cáo bản án lên tòa án cấp phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án do tòa án tổng đạ̣t hoặc niêm yết bản án tại trụ sở UBND xã L, huyện Y, tỉnh Nghệ An và nơi cư trú của các bị đ̣on.

“Trường hợp bản án, quyết định đ̣ược thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người đ̣ược thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đ̣ược thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Yên Thành
- VKSND tỉnh Nghệ An
- Lưu hồ sơ vụ án
- Lưu VP TA
- TAND tỉnh Nghệ An
- Các đ̣ương sự.

**TM: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa**

Vũ Anh Ngọc